

Số: 1095/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản QPPL của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 119/TTr-SCT ngày 11/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình Khuyến công địa phương tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2020.

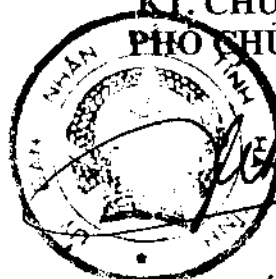
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CN₁;
- Gửi:
 - + VB giấy: Các TP ko nhận VB điện tử;
 - + VB điện tử: Các TP còn lại.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tất Thắng

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HÀ TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 09/4/2016 của UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế và góp phần xây dựng nông thôn mới theo mục tiêu, định hướng chương trình khuyến công quốc gia của Chính phủ và chính sách hỗ trợ của tỉnh.

- Tuyên truyền sâu rộng trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động khuyến công, đặc biệt là nhận thức về lợi ích áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, góp phần tăng số lượng các cơ sở sản xuất công nghiệp nhận thức được lợi ích của việc áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; hỗ trợ một số cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất sản phẩm.

- Hoàn thiện quy trình quản lý và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công các cấp.

2. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn của tỉnh, đạt mức tăng trưởng bình quân 20%/năm. Đến năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn (theo giá năm 2010) đạt khoảng 15.000 tỷ đồng; tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến sâu, có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao của các sản phẩm nông, lâm, thủy, hải sản; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đến năm 2020, đào tạo mới khoảng 350 lao động và đào tạo nâng cao tay nghề 800 lao động cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho khoảng 4.000 học viên tham gia các khóa bồi dưỡng kiến thức về quản trị kinh doanh, tiết kiệm năng lượng; hỗ trợ thành lập khoảng 30 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nông thôn; hỗ trợ xây dựng trên 100 mô hình trình diễn kỹ thuật áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất sản phẩm; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho 80 sản phẩm công nghiệp nông thôn; tổ chức 02 cuộc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải chung cho 13 cụm công nghiệp...

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, NGÀNH NGHỀ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG VÀ NGUYÊN TẮC ƯU TIÊN

1. Phạm vi, đối tượng, nội dung chi, ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công, nguyên tắc ưu tiên, mức chi hỗ trợ được quy định cụ thể tại Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và các văn bản hướng dẫn của Bộ ngành liên quan; Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND

ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với các nội dung chi thực hiện Chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp thực hiện theo quy định riêng của UBND tỉnh.

3. Đối với cụm công nghiệp: Chỉ hỗ trợ phần quy hoạch, xử lý môi trường; các nội dung hỗ trợ khác được thực hiện theo đề án phát triển cụm công nghiệp đã được phê duyệt.

3. Chương trình khuyến công ưu tiên đối với các chương trình, dự án:

- Phát triển công nghiệp chế biến nông- lâm- thủy sản, cơ khí, hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn;

- Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động... tại địa bàn huyện có điều kiện khó khăn, địa bàn các xã nằm trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh;

- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp phục vụ xuất khẩu của tỉnh; sản xuất các sản phẩm sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính được sản xuất trong tỉnh (ít nhất chiếm 50% giá trị nguyên, vật liệu chính);

- Các chương trình sản xuất các sản phẩm CNNT chủ lực, sản phẩm được bình chọn là sản phẩm CNNTTB từ cấp tỉnh trở lên;

- Các Dự án đầu tư tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp.

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề

1.1. Thực trạng

- Tổng số lao động trong độ tuổi thuộc quản lý của các xã, phường, thị trấn: 819.429 người, chiếm 62,73% dân số toàn tỉnh. Tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế: 688.909 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 50,29% tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chiếm 34,69%. Qua số liệu điều tra trên, thấy rằng Đào tạo nguồn nhân lực đang là vấn đề có ý nghĩa to lớn;

1.2. Mục tiêu và định hướng

- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho cho nông dân, chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động làm CN-TTCN, góp phần xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Đáp ứng nhu cầu nhân lực có tay nghề cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, hình thành lực lượng lao động cho các cụm công nghiệp.

- Khảo sát lập kế hoạch đào tạo nghề ở cấp tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề cho lao động mới cho 800 lao động, đào tạo nâng cao tay nghề và khôi phục nghề cho 350 lao động.

1.3. Nội dung triển khai

a) Khảo sát nhu cầu cụ thể về đào tạo nghề của các cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề, các địa phương để lập kế hoạch thực hiện chương trình.

b) Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo truyền nghề cho lao động mới và đào tạo nâng cao tay nghề; khôi phục nghề.

- Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, chủ yếu là tại chỗ nhằm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng nâng cao tay nghề và thái độ nghề nghiệp để thực hiện một hoặc một số bước công việc hay một số mẫu sản phẩm nhất định cho lao động mới, ưu tiên đào tạo truyền nghề các nghề sau: Chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; dệt may; sản xuất vật liệu xây dựng (gạch không nung); cơ khí nhỏ ở nông thôn; lao động tại các cơ sở công nghiệp nông thôn và lao động tại các làng nghề trên địa bàn.

- Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo khôi phục lại những nghề tiểu thủ công nghiệp đã bị mai một hoặc những nghề đã mất tại các địa phương, các làng nghề.

1.4. Yêu cầu trong tổ chức thực hiện

- Bài giảng, giáo án phải được chuẩn bị kỹ lưỡng, sát tình hình; giảng viên đảm bảo trình độ cả về lý luận và thực hành.

- Việc đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn. Kết thúc đào tạo phải kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận cho người lao động.

2. Nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn

2.1. Thực trạng

- Trên địa bàn tỉnh có khoảng trên 5.000 doanh nghiệp và gần 60 000 hộ kinh doanh; trong đó lĩnh vực CNNT có 600 doanh nghiệp và 13.700 hộ sản xuất CNNT. Doanh nghiệp CNNT chủ yếu là vừa và nhỏ, các cơ sở sản xuất CN-TTCN nhỏ lẻ, sản xuất manh mún, trình độ quản lý, sản xuất kinh doanh còn rất yếu, năng lực cạnh tranh trên thị trường, nhất là hội nhập rất khó khăn.

2.2 Mục tiêu và định hướng

- Khuyến khích, tư vấn hỗ trợ các cá nhân, tổ chức đầu tư vào sản xuất công nghiệp. Trang bị kiến thức khởi sự doanh nghiệp và nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp, khả năng cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao nhận thức về lợi ích áp dụng SXSH trong công nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý cho 3000 học viên; bồi dưỡng kiến thức nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho hơn cho 800 học viên; đào tạo 40 cán bộ tư vấn, thực hiện chương trình. Tổ chức 05 cuộc hội thảo, diễn đàn, tổ chức 5 đoàn tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm. Hỗ trợ thành lập 30 doanh nghiệp sản xuất CN-TTCN.

2.3. Nội dung triển khai

a) Tuyên truyền, phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức đối với việc thành lập doanh nghiệp; thông tin về thị trường; thông tin kinh tế; áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

b) Tổ chức các khoá đào tạo ngắn ngày theo các chuyên đề: Khởi sự doanh nghiệp, Quản lý kinh doanh tổng hợp, quản trị nhân sự, tài chính - kế toán; marketing, quản lý khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, hội nhập kinh tế quốc tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, An toàn lao động,... phù hợp với nhu cầu thực tế.

c) Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, các hội nghị tập huấn về sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao nhận thức về việc áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn để thực hiện chương trình qua đó giúp các doanh nghiệp biết về lợi ích của sản xuất sạch hơn để áp dụng vào cơ sở mình cho phù hợp.

d) Tổ chức đào tạo giảng viên, báo cáo viên để có năng lực tham gia giới thiệu, phổ biến nội dung của chương trình.

e) Tổ chức hội thảo, tham quan học hỏi kinh nghiệm, khảo sát, giới thiệu kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, hội nhập kinh tế quốc tế, sở hữu trí tuệ, môi trường, quản trị doanh nghiệp, khoa học công nghệ mới, sản xuất sạch hơn... và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp để trao đổi, nghiên cứu áp dụng vào cơ sở CNNT ở tỉnh.

f) Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; hỗ trợ lập kế hoạch sản xuất kinh doanh giúp doanh nghiệp sớm đi vào sản xuất sản phẩm.

2.4. Yêu cầu trong tổ chức thực hiện

- Nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn phù hợp với điều kiện, tính chất của từng loại đối tượng

- Đảm bảo gắn kết chặt chẽ với chương trình trợ giúp phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và chương trình sản xuất sạch hơn.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất

3.1. Thực trạng

Các cơ sở sản xuất CNNT của tỉnh hầu hết đang sử dụng dây chuyền công nghệ chủ yếu vào loại lạc hậu, năng suất thấp, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu cao;

3.2. Mục tiêu và định hướng

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, mô hình thí điểm áp dụng sản xuất sạch hơn và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất và nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Xây dựng 15 mô hình trình diễn kỹ thuật, sản xuất sản phẩm mới và sản xuất có hiệu quả cao; hỗ trợ 81 cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị chuyển giao công nghệ.

3.3. Nội dung triển khai

a) Khảo sát xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, mô hình áp dụng thí điểm về sản xuất sạch hơn và danh mục các công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học có thể ứng dụng vào CNNT, làm cơ sở lập kế hoạch thực hiện chương trình.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới: Xây dựng các mô hình trình diễn trong sản xuất CN-TTCN, "*hiện đại hoá công nghệ truyền thống*"; tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu sau:

- Sửa chữa, sản xuất máy cơ khí phục vụ sản xuất, cơ khí tiêu dùng;
- Chế biến nông sản, thực phẩm, lâm sản; Sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ hiện đại, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; chế biến sâu, tiết kiệm khoáng sản;

c) Hỗ trợ các cơ sở chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến vào các khâu xử lý ô nhiễm môi trường.

d) Hỗ trợ nhân rộng một số mô hình sản xuất CN-TTCN đang hoạt động có hiệu quả để các cơ sở khác học tập, cải tạo, ứng dụng vào sản xuất sản phẩm công nghiệp nông thôn.

3.4. Yêu cầu trong tổ chức thực hiện

- Việc hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn; chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cho các cơ sở công nghiệp nông thôn phải bám sát yêu cầu, quy định tại Nghị định số 45/NĐ-CP và Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ công Thương.

- Việc hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư, xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất sản phẩm dựa trên tính cấp thiết của dự án, sự phù hợp ngành nghề, sự phù hợp trong quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, địa phương.

4. Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu

4.1. Thực trạng

- Kết quả qua 3 lần tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp tỉnh đã thể hiện bước phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn trong những năm qua; tuy vậy số lượng sản phẩm còn ít so với các cơ sở sản xuất và so với tiềm năng của địa phương (62 sản phẩm /14.000 cơ sở sản xuất); chưa đa dạng về chủng loại; tính chất công nghiệp của sản phẩm chưa cao, chưa thể hiện rõ ưu thế của sản xuất hàng hoá.

4.2. Mục tiêu và định hướng

- Khai thác các nguồn lực tại chỗ (lao động, tài nguyên, truyền thống văn hoá lịch sử) nhằm phát triển sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm CN-TTCN tiêu biểu, đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Lựa chọn sản phẩm tiêu biểu có tiềm năng phát triển để hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển đạt được cấp cao hơn và trở thành sản phẩm thế mạnh, sản phẩm xuất khẩu.

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm cho 80 sản phẩm; tổ chức 02 lần bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; Số sản phẩm CNNT được hỗ trợ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia 50 sản phẩm.

- Tổ chức 8 hội chợ triển lãm cấp khu vực. Hỗ trợ 25 lần tham gia hội chợ triển lãm trong khu vực với khoảng 170 gian hàng trưng bày, giới thiệu các sản phẩm CNNT. Các huyện, thành, thị mỗi năm tham gia hội chợ, triển lãm ít nhất 01 lần.

4.3. Nội dung triển khai:

a) Làm tốt công tác bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu, chú trọng công tác bình chọn sản phẩm CNBNT tiêu biểu cấp huyện, thị xã, thành phố; có chính sách khuyến công cho các sản phẩm đạt giải. Tập trung hỗ trợ phát triển thành sản phẩm CNNT tiêu biểu của tỉnh và tham gia sản phẩm tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia;

b) Tư vấn, hỗ trợ các cơ sở CNNT đưa sản phẩm đi tham gia triển lãm, hội chợ hàng CNNT trong, ngoài tỉnh. Tổ chức hội chợ, khu trưng bày triển lãm hàng CN-TTCN tại địa phương; hỗ trợ tham gia các gian hàng sản phẩm CNNT của tỉnh tại các hội chợ, triển lãm cấp khu vực, Quốc gia và Quốc tế để giới thiệu, quảng bá sản phẩm CNNT của tỉnh. Hỗ trợ các địa phương tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm CNNT tại các hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh.

c) Hỗ trợ các cơ sở CNNT có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói... để tạo ra những sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn quy định theo từng cấp và đạt được cấp cao hơn. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, xây dựng hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ...Hỗ trợ đầu tư xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm để giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp tiêu biểu của tỉnh và thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Phát triển hoạt động Tư vấn trợ giúp các cơ sở CNNT

5.1. Thực trạng

Tình hình doanh nghiệp và hộ sản xuất CNNT còn yếu về năng lực quản lý, năng lực kinh doanh, kiến thức về hội nhập; đặc biệt là liên kết chuỗi để hình thành các sản phẩm gắn kết sản phẩm với thị trường tiêu thụ, an toàn vệ sinh thực phẩm với thương hiệu sản phẩm.

5.2. Mục tiêu và định hướng

- Hướng dẫn, tư vấn hỗ trợ các cơ sở CNNT nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hoá sản xuất, hạ giá thành sản phẩm; đầu tư xây dựng dây chuyền mới, mở rộng quy mô nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng, mẫu mã sản

phẩm, xử lý chất thải bảo vệ môi trường, áp dụng ISO, HACCAP và các chương trình về Tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn...VSATTP; Phát triển năng lực của các chuyên gia, các tổ chức dịch vụ khuyến công, mở rộng phạm vi, nội dung khuyến công đến các cơ sở CNNT.

- Hỗ trợ tư vấn về lập dự án đầu tư, Marketing tư vấn về Khuyến công, Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn cho khoảng 55 doanh nghiệp; hỗ trợ lập báo cáo kiểm toán năng lượng, đánh giá sản xuất sạch hơn cho 29 doanh nghiệp và đầu tư nâng cao năng lực hoạt động cho 03 điểm tư vấn khuyến công.

5.3. Nội dung triển khai

Thực hiện hoạt động tư vấn khuyến công do Trung tâm Khuyến công thuộc Sở Công Thương và các tổ chức tham gia hoạt động khuyến công.

a) Tư vấn về khuyến công

- Lập phương án sản xuất kinh doanh;
- Nâng cao năng lực marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thành lập doanh nghiệp;

- Liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới;

- Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

- Tư vấn về các thủ tục pháp lý trong việc: Bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, bảo hộ tự do thương mại, giải quyết tranh chấp trong sản xuất kinh doanh...

b) Tư vấn về tiết kiệm năng lượng:

- Tổ chức các hoạt động tư vấn về tiết kiệm năng lượng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; tư vấn xây dựng và triển khai các mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, kiểm toán năng lượng, chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng có hiệu suất cao.

- Khảo sát để xây dựng danh mục, kế hoạch sản xuất sạch hơn tại các doanh nghiệp. Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp lập báo cáo đánh giá sản xuất sạch hơn và có giải pháp đầu tư áp dụng sản xuất sạch hơn (*Thực hiện theo chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp giai đoạn 2016 – 2020 của UBND tỉnh*).

6. Tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển công nghiệp nông thôn

6.1. Mục tiêu và định hướng

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Nhà nước về khuyến công, tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn trong công nghiệp bằng nhiều hình thức, trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, các doanh nghiệp và cá nhân biết, thực hiện.

- Phát triển cơ sở dữ liệu công nghiệp nông thôn; in ấn, phát hành 11 bản tin khuyến công và ấn phẩm tuyên truyền khác.

6.2. Nội dung triển khai

a) Xây dựng, duy trì và phổ biến cơ sở dữ liệu về công nghiệp nông thôn, khuyến công, tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn. Qua đó hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tiếp cận và khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường và quảng bá doanh nghiệp;

b) Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền về các chính sách phát triển công nghiệp, chính sách khuyến công....; giới thiệu thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp thông qua các hình thức như: Xây dựng chuyên mục truyền hình, truyền thanh, chuyên đề...;

c) In ấn, xuất bản các bản tin khuyến công, công thương, các ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu khác.

7. Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường

7.1. Mục tiêu và định hướng

Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn theo Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 28/3/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 16/QĐ-UBND của UBND tỉnh; lồng ghép các nguồn vốn, đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư để xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng hạ tầng cho 07 cụm công nghiệp; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 03 Cụm công nghiệp; hỗ trợ 13 cơ sở công nghiệp nông thôn sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường.

7.2. Nội dung triển khai

a) Trên cơ sở quy hoạch phát triển cụm công nghiệp lựa chọn các cụm công nghiệp phù hợp để hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết và hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

b) Hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tiến hành liên doanh, liên kết trong sản xuất và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào các cụm công nghiệp.

c) Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp và hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn.

7.3. Yêu cầu trong tổ chức thực hiện

- Hỗ trợ xây dựng phát triển hạ tầng cụm CN phải phù hợp quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường: Phải có hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường đang hoạt động nhưng đã kém hiệu quả và chủ đầu tư phải cam kết chi trên 50% vốn đầu tư thực hiện việc nâng cấp.

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư theo Quy định.

- Hỗ trợ liên doanh, liên kết khi có hiệu quả thiết thực, bảo đảm sự phát triển của sản phẩm công nghiệp nông thôn.

8. Hợp tác quốc tế về khuyến công

8.1. Thực trạng

Thời gian qua, công tác hợp tác quốc tế về khuyến công chưa hiệu quả, chỉ mới tham gia được một số hội chợ khu vực, chưa có mô hình hợp tác cụ thể, việc học tập kinh nghiệm về khuyến công của các nước có nền công nghiệp nông thôn phát triển chưa thực hiện.

8.2 Mục tiêu và định hướng

- Tổ chức 01 Hội thảo trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, quản lý cụm công nghiệp... với các tổ chức, các nhân nước ngoài; tham gia dự án về hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, dự án hợp tác quốc tế.

- Tổ chức việc tham quan, học tập kinh nghiệm quản lý ở nước ngoài cho cán bộ quản lý khuyến công; hợp tác đào tạo nâng cao năng lực cán bộ khuyến công và sản xuất sạch hơn.

8.3. Nội dung triển khai:

a) Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế.

b) Tổ chức đoàn thăm quan, trao đổi, học tập kinh nghiệm quản lý về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

8.4. Yêu cầu trong tổ chức thực hiện

Tranh thủ chương trình hợp tác đào tạo nâng cao năng lực cán bộ khuyến công và sản xuất sạch hơn thực hiện theo đề án của Bộ Công Thương. Chủ động xây dựng kế hoạch để học tập kinh nghiệm từ chương trình của tỉnh.

9. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

9.1. Thực trạng

Công tác khuyến công có ý nghĩa hết sức to lớn trong việc thúc đẩy sự phát triển của CNNT, tuy vậy thời gian qua năng lực quản lý, tổ chức chỉ đạo và điều kiện cơ sở vật chất cho đội ngũ này còn nhiều bất cập, có mặt yếu kém. Hệ thống cán bộ làm công tác khuyến công, nhất là cơ sở còn mỏng, yếu cả về trình độ và thực tiễn.

9.2 Mục tiêu và định hướng

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý và khả năng hoạt động khuyến công cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khuyến công;

Xây dựng 500 trang giáo án tập huấn về công tác khuyến công; tổ chức đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về hoạt động khuyến công.

9.3. Nội dung triển khai

a) Nâng cao năng lực cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm Khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa, để đủ khả năng thực hiện các nhiệm vụ khuyến công. Đầu tư xây dựng phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu gắn với trụ sở làm việc của Trung tâm Khuyến công tại thành phố Hà Tĩnh để phát triển hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm công nghiệp nông thôn.

b) Thường xuyên nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công; bố trí cán bộ có kinh nghiệm và trình độ để thúc đẩy công tác khuyến công cơ sở hoàn thành được nhiệm vụ, nhất là phòng KTHT các huyện.

c) Đầu tư nâng cao năng lực quản lý và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm Khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa, để đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ.

d) Củng cố và tăng cường năng lực quản lý về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đối với Phòng Kinh tế và Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thành phố, thị xã. Bố trí cán bộ làm công tác khuyến công chuyên trách cấp huyện. Bố trí cán bộ làm cộng tác viên khuyến công ở tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường tổ chức, triển khai các nội dung hoạt động khuyến công và nắm bắt tình hình phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn. Hỗ trợ thù lao cho cộng tác viên khuyến công cấp xã.

9.4. Yêu cầu trong tổ chức thực hiện

Tà soát, đánh giá đội ngũ làm công tác khuyến công từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường trách nhiệm và mối quan hệ giữa cán bộ Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, phòng Quản lý công nghiệp của Sở Công Thương và cán bộ Phòng Kinh tế (Kinh tế hạ tầng) các huyện, thành phố, thị xã trong công tác tham mưu.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ phạm vi, đối tượng áp dụng, ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công, nguyên tắc ưu tiên, mức chi hỗ trợ được quy định cụ thể tại Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh:

- Tổng kinh phí sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách tỉnh dành cho các hoạt động khuyến công do UBND tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện dự kiến là 36,040 tỷ đồng

(Bảng chữ: Ba mươi sáu tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng)

(Số liệu cụ thể theo từng năm và từng nội dung hỗ trợ được phản ánh tại biểu tổng hợp và biểu chi tiết kèm theo Quyết định này)

- Đối với ngân sách huyện, xã: Hàng năm, căn cứ vào nội dung của Chương trình này, UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn để bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền; nâng cao vai trò của cơ quan lý nhà nước về hoạt động khuyến công.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương chính sách của nhà nước để người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn. Vận động các doanh nghiệp lớn hỗ trợ cho hoạt động khuyến công và động viên doanh nhân tích cực tham gia hoạt động khuyến công.

- Rà soát lại cơ chế, chính sách đã ban hành để bổ sung điều chỉnh hoàn thiện cho phù hợp yêu cầu hiện nay, tăng thêm hỗ trợ nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn, giảm bớt các thủ tục hành chính... Ngoài các chính sách ưu đãi theo quy định của Chính phủ, các cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tư trên địa bàn nông thôn của tỉnh còn được hưởng một số chế độ ưu đãi riêng theo cơ chế ưu đãi đầu tư của tỉnh như: Ưu tiên bố trí mặt bằng phù hợp với mục tiêu sản xuất, thu hút nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề...

- Ủy ban nhân dân các cấp, các sở ngành liên quan lập hoặc bổ sung kế hoạch ở cấp ngành mình, lồng ghép phối hợp với chương trình khuyến công của tỉnh, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra giám sát cấp dưới, cơ sở triển khai mạnh mẽ hoạt động khuyến công, tạo ra bước đột phá thúc đẩy phát triển CNNT trong tỉnh.

- Chính quyền các cấp tạo mọi điều kiện để các cơ sở sản xuất kinh doanh theo pháp luật, tạo điều kiện hỗ trợ về mặt bằng sản xuất và vốn vay.

2. Giải pháp về huy động các nguồn tài chính cho hoạt động khuyến công

- Chủ động, tranh thủ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hàng năm, chương trình phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nguồn hỗ trợ xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp. Bố trí lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh có liên quan và các nguồn vốn xã hội hóa tham gia vào chương trình khuyến công.

- Bảo đảm cân đối bố trí kinh phí khuyến công hàng năm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện chương trình một cách hiệu quả nhất.

3. Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các đoàn thể chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức tư vấn, các doanh nghiệp, cơ sở để triển khai mạnh mẽ, có hiệu quả hoạt động khuyến công trong tỉnh

- Triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở Công Thương với tổ chức đoàn thể: Hội Nông dân tỉnh; Liên minh HTX tỉnh; Hội Phụ nữ tỉnh; Tỉnh Đoàn Hà Tĩnh... mở rộng liên kết với các tổ chức đoàn thể khác để triển khai hoạt động khuyến công, như: Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hội doanh nghiệp trẻ....

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức tư vấn trong và ngoài tỉnh để triển khai hoạt động khuyến công trong tỉnh, như các Trường, các chuyên gia, kỹ sư, các nhà quản lý, doanh nghiệp tư vấn...

4. Đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng đối với hoạt động khuyến công

Kịp thời đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh khen thưởng các cá nhân, đơn vị có thành tích trong hoạt động phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thực hiện tốt công tác khuyến công; hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả; thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động, thực hiện an toàn lao động; áp dụng quy trình mới, có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật... nhằm khuyến khích thi đua phát triển sản xuất, góp phần thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch của đã đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí, kế hoạch tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí hàng năm để thực hiện Chương trình khuyến công của tỉnh, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh quyết định hình thức hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương và các cơ chế chính sách.

- Chủ trì, xây dựng các dự án khuyến công có sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND các huyện, thành, thị, các đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện chương trình. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh nhằm tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp nông thôn.

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (thuộc Sở Công Thương) là đầu mối triển khai hoạt động khuyến công theo chương trình, kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Sử dụng có hiệu quả kinh phí khuyến công và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thanh quyết toán theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp, cân đối, lồng ghép các nguồn lực, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với kế hoạch khuyến công hàng năm.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu việc bố trí ngân sách và cấp kinh phí cho chương trình khuyến công theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Hướng dẫn, quản lý và kiểm tra việc sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chương trình.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất CN-TTCN trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Công Thương trong việc xuất bản, phát hành bản tin, ấn phẩm, xây dựng cơ sở dữ liệu công nghiệp nông thôn, trang thông tin điện tử và hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển thương mại điện tử để giúp các doanh nghiệp có thêm kênh giới thiệu, quảng bá sản phẩm trong và ngoài nước.

6. Các Sở, ngành liên quan (Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Tĩnh...): Căn cứ chức năng quản lý nhà nước của mình phối hợp với Sở Công Thương thực hiện chương trình.

7. Các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội; đơn vị thông tin đại chúng:

Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh, Báo Hà Tĩnh và các phương tiện thông tin đại chúng: Tăng thời lượng thông tin, tuyên truyền chủ trương chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; giới thiệu tình hình, kết quả hoạt động khuyến công, các mô hình trình diễn kỹ thuật, các mô hình sản xuất sạch hơn, mô hình sản xuất kinh doanh tốt, công nghệ, kỹ thuật tiên bộ, sản phẩm mới, sản phẩm tiêu biểu, những làng nghề, doanh nhân thành đạt... góp phần tạo khí thế thúc đẩy phát triển CNNT.

Đề nghị các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội tập trung Tuyên truyền vận động các cá nhân, tập thể, tổ chức, doanh nghiệp tích cực tham gia thực hiện chương trình và phối hợp với Sở Công Thương, UBND các cấp trong hoạt động khuyến công.

8. UBND các huyện, thành phố, thị xã

UBND các huyện, thành phố, thị xã: Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình này, kế hoạch khuyến công hàng năm; cân đối, bố trí kinh phí hàng năm để hỗ trợ phát triển hoạt động khuyến công trên địa bàn và tổ chức chỉ đạo thực hiện; chủ động phối hợp với các ngành, các cấp giải quyết kịp thời khó khăn tháo gỡ vướng mắc tạo điều kiện để công nghiệp nông thôn phát triển.

9. Chế độ thông tin, báo cáo định kỳ

Định kỳ ngày 20 tháng cuối quý, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tham mưu đề xuất phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



TỔNG HỢP NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN 2020
(Kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 9/4/2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng	2016	2017	2018	2019	2020
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề	1375	0	175	350	350	500
2	Nâng cao năng lực quản lý	1140	240	200	205	230	265
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật	18865	2115	3750	4000	4000	5000
4	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	5555	745	945	1195	1460	1210
5	Phát triển hoạt động tư vấn	1945	300	320	375	400	550
6	Thông tin, tuyên truyền	275	0	50	50	75	100
7	Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác, phát triển cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường	6200	500	1000	1700	1400	1600
8	Hợp tác quốc tế về khuyến công	100	0	0	0	0	100
9	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công	585	60	90	140	145	150
	Tổng cộng	36040	3960	6530	8015	8060	9475

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Biểu 2

CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2020

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nguồn kinh phí	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Mức hỗ trợ	Ngân sách hỗ trợ	Trong đó			Đóng góp của cơ sở tham gia	Phân kỳ thực hiện				
									KCQG	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Nội dung 1: Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề																
1	Đào tạo lao động mới	KCQG	người	400	1.7	680	100%	680	680	-	-	-	0	170	170	170	170
		NSDP		200	1.7	340	100%	340	-	340	-	-	0	85	85	85	85
2	Đào tạo nâng cao tay nghề	NSDP	người	100	1.2	120	100%	120	-	120	-	-	0	30	30	30	30
	Cộng					1.140		1.140	680	460	-	-	0	285	285	285	285
II	Nội dung 2: Nâng cao năng lực quản lý																
1	Tập huấn kiến thức quản trị kinh doanh, ứng dụng khoa học công nghệ, thông tin thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế	NSDP	người	120	0.8	96	100%	96	-	96	-	-	24	24	-	24	24
2	Bồi dưỡng kiến thức về tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp và bảo vệ môi trường	NSDP	người	150	0.8	120	100%	120	-	120	-	-	24	24	24	24	24
3	Đào tạo đội ngũ giảng viên, bảo cáo viên tham gia thực hiện chương trình	NSDP	người	8	9	72	100%	72	-	72	-	-	18	18	18	9	9
4	Tổ chức khảo sát tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công và phát triển tiêu thụ công nghiệp	KCQG	Đoàn	1	70	70	100%	70	70	-	-	-	-	-	-	70	-
		NSDP		1	70	70	100%	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-

TT	Nội dung	Nguồn kinh phí	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Mức hỗ trợ	Ngân sách hỗ trợ	Trong đó			Đóng góp của cơ sở tham gia	Phân kỳ thực hiện				
									KCQG	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
5	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp	KCQG	Doanh nghiệp	50	10	500	100%	500	-	-	-	-	100	100	100	100	
6	Tổ chức hội thảo, hội nghị cấp tỉnh về tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp và bảo vệ môi trường	NSDP	Hội nghị	2	40	80	100%	80	80	-	-	-	40	-	-	40	
	Cộng					1.008		1.008	570	438	-	0	236	142	227	197	
III	Nội dung 3: Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật																
1	Xây dựng mô hình trình sản xuất sản phẩm mới và áp dụng công nghệ mới	KCQG NSDP	Mô hình	5 5	1.100 1.100	5.500 5.500	30% 30%	1.650 1.650	- 1.650	- -	- -	3.850 3.850	1.100 1.100	1.100 1.100	1.100 1.100	1.100 1.100	
2	Xây dựng mô hình thí điểm và áp dụng sản xuất sạch hơn	KCQG NSDP	Mô hình	1 2	1.000 1.000	1.000 2.000	30% 30%	300 600	- 600	- -	- -	700 1.400	1.000 -	- 1.000	- -	- -	1.000 1.000
3	Hỗ trợ các cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp	KCQG NSDP	Cơ sở	5 5	400 400	2.000 2.000	50% 50%	1.000 1.000	- -	- -	- -	1.000 1.000	400 400	400 400	400 400	400 400	400 400
	Cộng					18.000		6.200	2.950	3.250	-	11.800	3.000	4.000	4.000	3.000	4.000
IV	Nội dung 4: Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu																
1	Tổ chức Hội nghị bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	NSDP	Hội nghị	3	80	240	100%	240	-	240	-	-	80	-	80	-	-
2	Hỗ trợ sản phẩm công nghiệp nông thôn tham gia bình chọn sản phẩm tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia	NSDP	Sản phẩm	6	10	60	100%	60	-	60	-	0	20	20	0	0	20

TT	Nội dung	Nguồn kinh phí	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Mức hỗ trợ	Ngân sách hỗ trợ	Trong đó			Đóng góp của cơ sở tham gia	Phân kỳ thực hiện					
									KCQG	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
3	Tham gia Triển lãm, hội chợ quảng bá sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu.	NSDP	Lần	5	80	400	100%	400	-	400	-	-	80	80	80	80	80	
4	Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng mức tối đa không quá 35 triệu đồng/thương hiệu.	KCQG	Sản phẩm	2	100	200	35	70	70	-	-	130	-	100	-	100	-	
5	Hỗ trợ chi phí thuê gian hàng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước.	NSDP	Gian hàng	30	6	180	80%	144	144	144	-	36	36	36	36	36	36	
		KCQG		30		180		144	36	36	36	36	36	36				
6	Đầu tư trang thiết bị phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của tỉnh	KCQG	Phòng	1	150	150	50%	75.0	75.0	75.0	-	-	150	-	-	-	-	
		NSDP				150		75.0	75.0	-	-	-	-	-	-			
7	Tổ chức các hội chợ triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cấp vùng để giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh.	KCQG, NSDP	Lần	2	1.500	3.000	100%	1.500	1.500	1.500	-	-	-	1.500	-	-	-	1.500
						1.500		1.500	1.500	-	-	-	-	-	-			
	Cộng					4.410	0	4.208	1.789	2.419	-	202	1.982	172	332	1.672	1.672	

TT	Nội dung	Nguồn kinh phí	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Mức hỗ trợ	Ngân sách hỗ trợ	Trong đó			Đóng góp của cơ sở tham gia	Phân kỳ thực hiện				
									KCQG	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
V	Nội dung 5: Phát triển hoạt động tư vấn																
1	Hỗ trợ tư vấn về tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn	NSĐP	Doanh nghiệp	5	100	500	50%	250	-	250	-	250	100	100	100	100	100
2	Hỗ trợ tư vấn lập các báo cáo kiểm toán năng lượng, đánh giá sản xuất sạch hơn	KCQG	Doanh nghiệp	2	100	200	100%	200	200	-	-	0	0	0	100	100	100
3	Hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực cho điểm tư vấn cố định tại Trung tâm	KCQG	Điểm	1	200	200	100%	200	200	-	-	-	200	-	-	-	-
	Cộng					900		650	400	250	-	250	100	300	100	200	200
VI	Nội dung 6: Thông tin, tuyên truyền																
1	Phát hành Bản tin Khuyến công, Công Thương, các ấn phẩm khác.	NSĐP	Bản tin, ấn phẩm	20	25	500	100%	500	-	500	-	0	100	100	100	100	100
	Cộng					500		500	0	500	-	0	100	100	100	100	100
VII	Nội dung 7: Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác, phát triển cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường																
1	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	KCQG	Cụm	1	500	500	100%	500	500	-	-	-	-	-	-	-	500
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp	KCQG	Cụm	1	3.000	3.000	100%	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cộng					3.500		3.500	3.500	0	-	0	0	0	0	0	500
	Tổng công kinh phí					29.458	0	17.206	9.889	7.317	-	12.252	3.688	6.873	4.799	4.644	9.454

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHI TIẾT NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN 2020
(kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 3 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011 - 2015	Giai đoạn 2016-2020													
				Tổng		Phân kỳ thực hiện											
				Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020			
		Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)				
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
I	Nội dung 1: Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề																
1	Đào tạo lao động mới	Người	120	800	0	0	0	100	150	200	300	200	300	300	450		
2	Đào tạo nâng cao tay nghề	Người	3	350	0	0	50	100	25	100	50	100	50	100	50		
	Cộng tiền				1375	0	0	175	175	350	350	350	350	350	500		
II	Nội dung 2: Nâng cao năng lực quản lý																
1	Tập huấn kiến thức quản trị kinh doanh, ứng dụng khoa học công nghệ, thông tin thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế	Người	2040	3000	315	140	500	500	35	500	35	500	35	1000	70		
2	Bồi dưỡng kiến thức về tiết kiệm năng lượng	Người	0	800	135	0	0	200	30	200	35	200	35	200	35		
3	Đào tạo đội ngũ giảng viên, báo cáo viên tham gia thực hiện chương trình	Người	0	40	40	0	0	10	10	10	10	10	10	10	10		
4	Tổ chức khảo sát học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công và phát triển tiêu thụ công nghiệp	Đoàn	6	5	250	1	50	1	50	1	50	1	50	1	50		
5	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp	Doanh nghiệp	0	30	150	0	0	5	25	5	25	10	50	10	50		
6	Tổ chức hội thảo, hội nghị cấp tỉnh về tiết kiệm năng lượng	Hội nghị	0	5	250	1	50	1	50	1	50	1	50	1	50		
	Cộng tiền				1140	240	200	200	200	205	230	265	265	265	265		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011 - 2015	Phân kỳ thực hiện											
				Tổng		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
				Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
III	Nội dung 3: Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật														
1	Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất sản phẩm mới và áp dụng công nghệ mới	Mô hình	0	15	3750	0	0	3	750	4	1000	4	1000	4	1000
2	Xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn	Mô hình	0												
3	Hỗ trợ các cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp	Cơ sở	Hỗ trợ ĐT mới ĐTM: 45 cơ sở	81	15115	16	2115	15	3000	15	3000	15	3000	20	4000
	Cộng tiền				18865		2115		3750		4000		4000		5000
IV	Nội dung 4: Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu														
1	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Hội nghị	3	2	650	0	0	1	300	0	0	1	350	0	0
2	Hỗ trợ sản phẩm công nghiệp nông thôn tham gia bình chọn sản phẩm tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia	Sản phẩm	25	50	300	15	100	0	0	15	100	0	0	20	100
3	Tham gia Triển lãm, hội chợ quang bá sản phẩm công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp tiêu biểu	Lần	0	25	750	5	150	5	150	5	150	5	150	5	150
4	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng mức tối đa không quá 35 triệu đồng/thương hiệu	Sản phẩm	10	80	2800	10	350	10	350	20	700	20	700	20	700

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011 - 2015	Giai đoạn 2016-2020																																
				Tổng			Năm 2016						Năm 2017						Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020					
				Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)										
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																					
5	Hỗ trợ 80% chi phí thuê gian hàng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước.	Gian hàng	Chưa sử dụng kinh phí khuyến công	170	255	30	45	30	45	30	45	30	45	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	60												
6	Tổ chức các hội chợ triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cấp vùng để giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh.	Lần	0	8	800	1	100	1	100	2	200	2	200	2	200	2	200	2	200	2	200	2	200	200												
	Cộng tiền				5555		745		945		1195		1460		1210																					
V	Nội dung 5: Phát triển hoạt động tư vấn																																			
1	Hỗ trợ tư vấn về lập dự án đầu tư, Marketing, quản lý sản xuất, tiết kiệm năng lượng	Doanh nghiệp	1	55	1650	10	300	10	300	10	300	10	300	10	300	10	300	10	300	10	300	10	300	450												
2	Hỗ trợ tư vấn lập các báo cáo kiểm toán năng lượng	Doanh nghiệp	0	29	145	0	0	4	20	5	25	10	50	10	50	10	50	10	50	10	50	10	50	50												
3	Hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực cho điểm tư vấn cố định tại Trung tâm	Điểm	0	3	150	0	0	0	0	1	50	1	50	1	50	1	50	1	50	1	50	1	50	50												
	Cộng tiền				1945		300		320		375		400		550																					
VI	Nội dung 6: Thông tin, tuyên truyền																																			
1	Phát hành Bản tin Khuyến công, Công Thương và các ấn phẩm khác	Bản tin, ấn phẩm	1	11	275	0	0	2	50	2	50	3	75	4	100																					
	Cộng tiền				275		0		50		50		75		100																					

Giai đoạn 2016-2020

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011 - 2015	Phân kỳ thực hiện											
				Tổng		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
				Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)	Số lượng	Tiền (Tr. đ)
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
VII	Nội dung 7: Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác, phát triển cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường														
1	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	Cụm	5	7	2100	1	300	2	600	2	600	1	300	1	300
2	Hỗ trợ các cơ sở CNNT sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	Cơ sở		13	2600	1	200	2	400	3	600	3	600	4	800
3	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp	Cụm	0	3	1500	0	0	0	0	1	500	1	500	1	500
	Cộng tiền				6200		500		1000		1700		1400		1600
VIII	Nội dung 8: Hợp tác quốc tế về khuyến công														
1	Tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, dự án hợp tác quốc tế	Dự án	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật	Hội thảo	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100
	Cộng tiền				100		0		0		0		0		100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011 - 2015	Tổng		Phân kỳ thực hiện														
				Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
						Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	Số lượng	Tiền (Tr.đ)	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12					
IX. Nội dung 9: nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công																				
1	Xây dựng chương trình, giáo án về tập huấn công tác khuyến công	Trang	0	500	50	0	0	0	0	100	10	200	20	200	20					
2	Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về hoạt động khuyến công	Đoàn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
3	Chi phí quản lý đề án khuyến công				183	60	27	30	30						36					
	Cộng tiền				585	60	90	140	145						150					
	Tổng cộng				36040	3960	6530	8015	8060						9475					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

